

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/5/2022

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp  
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN**

**-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Trần Thị Hà

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐ-HPT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1997; Địa chỉ: khu phố L, thị trấn S, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: ông **Lê Bá P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và các biên bản ghi lời khai nguyên đơn bà Trần Thị Kim M trình bày:** Bà và ông Lê Bá P xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú (cũ) nay là thị trấn C, huyện T. Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông P sống không hạnh phúc đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân là do ông P thay đổi tính tình như rượu chè, cờ bạc, thường hay chửi mắng, đánh đập bà, vì nghĩ con còn nhỏ nên bà mới cố gắng chịu đựng đến tháng 01/2020 bà mới về nhà cha mẹ ruột bà ở và sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến đến ai, đã chấm dứt

quan hệ vợ chồng. Vì vậy, bà kính mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Vì bà không còn tình cảm với ông P.

Về con chung: 01 đứa. Lê P Nguyên, sinh ngày 03/5/2016 hiện đang ở với bà, nếu ly hôn, bà yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

**Bị đơn ông Lê Bá P trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 18/01/2022:** Ông và bà Trần Thị Kim M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú (cũ). Trong quá trình sống chung thì giữa ông và bà M sống vẫn hạnh phúc không hề xảy ra mâu thuẫn gì, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như bà M nêu là do ông cờ bạc, vũ phu với bà M và ông và bà M đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01/2020, có lúc ông điện liên hệ nói chuyện với bà M nhưng bà không nói chuyện với ông. Mặc dù vậy, vì ông còn thương vợ con nên mong Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: 01 đứa. Lê P Nguyên, sinh ngày 03/5/2016 hiện đang ở với bà M, nếu ly hôn, ông không đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, giáo dục mà để cho ông nuôi, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có

**Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 59, Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim M đối với ông Lê Bá P. Bà Trần Thị Kim M được ly hôn với ông Lê Bá P

Về con chung: Giao cho bà M nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê P Nguyên, sinh ngày 03/5/2016 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có;

Về án phí: Bà Trần Thị Kim M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà bà Trần Thị Kim M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản, thủ tục tố tụng cho ông Lê Bá P hợp lệ hai lần nhưng ông P không đến để tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà bà Trần Thị Kim M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà M và ông Lê Bá P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú (cũ) nay là thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2015. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Trần Thị Kim M và ông Lê Bá P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng nhưng trong quá trình chung sống giữa bà M và ông P thực sự đã có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên rượu chè, cờ bạc hay chửi mắng, đánh đập vợ. Ông P xác nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như bà M nêu là do ông cờ bạc, vũ phu, phẫn ai nấy ở, không ai còn quan tâm đến ai nhưng ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà M và ông P đều thừa nhận trong quá trình chung có nhiều mâu thuẫn xảy ra và đến nay đã ly thân nhau từ tháng 01/2020. Chứng tỏ, ông bà không phương án để cùng nhau quay về đoàn tụ, tại Tòa bà M kiên quyết ly hôn nhưng ông P không đồng ý ly hôn, ông P nại lý do còn thương vợ nhưng từ khi ông và bà M ly thân nhau đến nay thì giữa ông và bà M không có hướng để quay về đoàn tụ. Chứng tỏ rằng bà M và ông P đã có mâu thuẫn, tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong thời gian chờ Tòa xét xử thì ông P cũng không tìm được phương án nào để ông và bà M trở về đoàn tụ gia đình, thậm chí tình trạng hôn nhân của hai người mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông P, không chấp nhận ý kiến của ông P xin trở về đoàn tụ.

[5] Về con chung: Trong quá trình giải quyết cả bà M và ông P đều yêu cầu nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, từ khi bà M và ông P ly thân nhau thì bà M là người trực tiếp nuôi con chung, ông P bỏ mặc con cái không có trách nhiệm với gia đình. Chứng tỏ, ông đã vi phạm nghĩa vụ đối với con chung, hiện con còn nhỏ cần có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ mới tốt hơn, tại Tòa bà M cam đoan sẽ lo cho đứa con có một cuộc sống đầy đủ về mọi mặt, vì vậy giao con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp hơn. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con đối với ông P.

[6] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà M không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản và nợ chung: Không có

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Kim M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim M đối với ông Lê Bá P. Bà M được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Giao cho bà M nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê P Nguyên, sinh ngày 03/5/2016 đến khi con trưởng thành.

Bà M không được ngăn cản ông P trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Trần Thị Kim M phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0003130 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3] Quyền kháng cáo của bà Trần Thị Kim M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2022), đối với ông Lê Bá P vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Văn Lấy**